



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ISO 9001 : 2008
Số VN. 442727



SỔ TAY SINH VIÊN

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
KHÓA HỌC 2017 - 2021



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Số: 874/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bộ chương trình dạy học Đại học chính quy khóa học 2017-2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ vào Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ vào Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội;

Căn cứ vào Quyết định số 847/QĐ-ĐHCN ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ vào yêu cầu đào tạo trình độ Đại học chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình dạy học Đại học chính quy khóa học 2017-2021 của các ngành học cụ thể như sau:

STT	Tên Ngành	Mã ngành cấp IV	Tên chương trình	Mã chương trình	Đơn vị quản lý
1.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	52.51.02.03	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	DH5102031	K. Cơ khí
2.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	52.51.02.01	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ khí	DH5102011	K. Cơ khí
3.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông	52.51.03.02	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	DH5103021	K. Điện tử
4.	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	52.51.03.01	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	DH5103011	K. Điện
5.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	52.51.03.03	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DH5103031	K. Điện

STT	Tên Ngành	Mã ngành cấp IV	Tên chương trình	Mã chương trình	Đơn vị quản lý
6.	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	52.51.04.01	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học	DH5104011	K. CN Hóa
7.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	52.51.03.04	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật máy tính	DH5103041	K. Điện tử
8.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	52.51.04.06	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật môi trường	DH5104061	K. CN Hóa
9.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	52.51.02.06	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật nhiệt	DH5102061	K. Điện
10.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	52.51.02.05	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	DH5102051	K. CN Ô tô
11.	Công nghệ May	52.54.02.04	Kỹ sư Công nghệ may	DH5402041	K. CN May và TKTT
12.	Công nghệ Thông tin	52.48.02.01	Kỹ sư Công nghệ thông tin	DH4802011	K. CN Thông tin
13.	Hệ thống thông tin	52.48.01.04	Kỹ sư Hệ thống thông tin	DH4801041	K. CN Thông tin
14.	Kế toán	52.34.03.01	Cử nhân Kế toán	DH3403011	K. Kế toán - Kiểm toán
15.	Kiểm toán	52.34.03.02	Cử nhân Kiểm toán	DH3403021	K. Kế toán - Kiểm toán
16.	Kiểm toán	52.34.03.02	Cử nhân Thẩm định giá	DH3403022	K. Kế toán - Kiểm toán
17.	Kinh tế đầu tư	52.31.01.04	Cử nhân Kinh tế đầu tư	DH3101041	K. Quản lý kinh doanh
18.	Kỹ thuật phần mềm	52.48.01.03	Kỹ sư Kỹ thuật phần mềm	DH4801031	K. CN Thông tin
19.	Khoa học máy tính	52.48.01.01	Kỹ sư Khoa học máy tính	DH4801011	K. CN Thông tin
20.	Marketing	52.34.01.05	Cử nhân Marketing	DH3401051	K. Quản lý kinh doanh
21.	Ngôn ngữ Anh	52.22.02.01	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	DH2202011	K. Ngoại ngữ
22.	Ngôn ngữ Trung Quốc	52.22.02.04	Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc	DH2202041	K. Ngoại ngữ
23.	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	52.34.01.01 CLC	Cử nhân Quản trị kinh doanh chất lượng cao	DH3401011CL	K. Quản lý kinh doanh
24.	Quản trị kinh doanh	52.34.01.01	Cử nhân Quản trị kinh doanh	DH3401011	K. Quản lý kinh doanh
25.	Quản trị kinh doanh	52.34.01.01	Cử nhân Quản trị kinh doanh du lịch	DH3401012	K. Du lịch

STT	Tên Ngành	Mã ngành cấp IV	Tên chương trình	Mã chương trình	Đơn vị quản lý
26.	Quản trị nhân lực	52.34.04.04	Cử nhân Quản trị nhân lực	DH3404041	K. Quản lý kinh doanh
27.	Quản trị văn phòng	52.34.04.06	Cử nhân Quản trị văn phòng	DH3404061	K. Du lịch
28.	Tài chính - Ngân hàng	52.34.02.01	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	DH3402011	K. Quản lý kinh doanh
29.	Thiết kế thời trang	52.21.04.04	Cử nhân Thiết kế thời trang	DH2104041	K. CN May và TKTT
30.	Thiết kế thời trang	52.21.04.04	Cử nhân Thiết kế và kinh doanh thời trang	DH2104042	K. CN May và TKTT
31.	Truyền thông và mạng máy tính	52.48.01.02	Kỹ sư Truyền thông và mạng máy tính	DH4801021	K. Điện tử
32.	Việt Nam học	52.22.01.03	Cử nhân Hướng dẫn du lịch	DH2201031	K. Du lịch

Điều 2. Bộ chương trình dạy học ban hành kèm theo Quyết định này được dùng để giảng dạy các lớp Đại học chính quy khóa học 2017-2021 của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Căn cứ các chương trình dạy học này Trường các Khoa, Trung tâm trong trường hoàn chỉnh chương trình chi tiết các học phần và tổ chức giảng dạy theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, TCHC, TCKT, các khoa, trung tâm và giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)**

PGS.TS. Phạm Văn Bổng

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 874/QĐ-ĐHCN ngày 8 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình: Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử

Mã số: DH5102031

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử đào tạo kỹ sư công nghệ có năng lực thiết kế, chế tạo, vận hành và bảo trì các hệ thống thiết bị Cơ điện tử, quản lý và giám sát sản xuất, kinh doanh sản phẩm Cơ điện tử.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên kiến thức khoa học cơ bản như: toán, vật lý, hoá học làm nền tảng để nghiên cứu các môn học Cơ ứng dụng, thiết kế chi tiết máy, kỹ thuật điện, điện tử cơ bản, dung sai và đo lường kỹ thuật, các môn học chuyên ngành cơ điện tử: cảm biến và đo lường, kỹ thuật vi xử lý, tự động hóa, truyền động điện tự động, rô bốt, phân tích và tổng hợp hệ thống Cơ điện tử... Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn như: Tiếng Anh và các môn khoa học quản lý...

1.2.2. Về kỹ năng

- Thiết kế các hệ thống điều khiển tự động.
- Khai thác, vận hành các hệ thống Cơ điện tử
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa các thiết bị Cơ điện tử
- Nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ Cơ điện tử
- Tổ chức, quản lý và chỉ đạo sản xuất trong các doanh nghiệp.

1.2.3. Về thái độ

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng của giai cấp Công nhân, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc
- Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe tốt
- Luôn học tập, nâng cao trình độ
- Có kỷ luật trong lao động và trong xã hội

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc sáng tạo, có kỹ năng làm việc tập thể
- Có thái độ đúng đắn đối với môi trường và sự phát triển bền vững của xã hội.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử có thể đảm nhận công việc thiết kế, triển khai công nghệ, quản lý sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm cơ khí tại các phòng thiết kế; phòng công nghệ, đơn vị quản lý sản xuất, quản lý chất lượng hoặc tại các cơ quan kinh doanh, làm các dịch vụ về trang thiết bị cơ khí cũng như các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.
- Đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao xác định theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 148 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Ban hành kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-ĐHCN ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-ĐHCN ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	46	37	9	0
I.1		Các môn lý luận chính trị	10	10	0	0
1	1203106	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0	0
2	1203108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
3	1203101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	9	9	0	0
		Kiến thức bắt buộc	7	7	0	0
1	1203107	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
		Ngoại ngữ	5	5	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
1	1303196	Tiếng Anh Cơ khí 1	5	5	0	0
2	1303197	Tiếng Anh Cơ khí 2	5	5	0	0
3	1303198	Tiếng Anh Cơ khí 3	5	5	0	0
4	1303199	Tiếng Anh Cơ khí 4	5	5	0	0
5	1303200	Tiếng Anh Cơ khí 5	5	5	0	0
6	1303201	Tiếng Anh Cơ khí	5	5	0	0
	TcCDT1	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1603113	Kinh tế học đại cương	2	2	0	0
2	1403114	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	0
3	1403133	Tâm lý học người tiêu dùng	2	2	0	0
I.3		Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học	15	13	2	0
		Kiến thức bắt buộc	13	11	2	0
1	1003107	Toán cao cấp 1	3	3	0	0
2	1003108	Toán cao cấp 2A	3	3	0	0
3	1003110	Vật lý	4	3	1	0
4	0303138	Hóa học đại cương	3	2	1	0
	TcCDT2	Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0	0
1	1003101	Hàm số biến số phức	2	2	0	0
2	1003103	Lý thuyết xác suất	2	2	0	0
3	1003105	Phương pháp tính	2	2	0	0
I.4		Giáo dục thể chất	4	0	4	0
		Kiến thức bắt buộc	2	0	2	0
1	0903111	Giáo dục thể chất 1.	1	0	1	0
2	0903112	Giáo dục thể chất 2.	1	0	1	0
	TcGDTC	Kiến thức tự chọn (Chọn 2 trong 14 học phần)	2	0	2	0
1	0903113	Aerobic 1	1	0	1	0
2	0903114	Aerobic 2	1	0	1	0
3	0903115	Bóng chuyền 1	1	0	1	0
4	0903116	Bóng chuyền 2	1	0	1	0
5	0903117	Bơi 1	1	0	1	0
6	0903118	Bơi 2	1	0	1	0
7	0903119	Cầu mây	1	0	1	0
8	0903120	Đá cầu	1	0	1	0
9	0903121	Karate 1	1	0	1	0
10	0903122	Karate 2	1	0	1	0
11	0903123	Khiêu vũ 1	1	0	1	0
12	0903124	Khiêu vũ 2	1	0	1	0
13	0903125	Pencak Silat 1	1	0	1	0
14	0903126	Pencak Silat 2	1	0	1	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I.5		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5	3	0
1	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2	0	0
2	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0	3	0
3	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	0
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	102	57	28	17
II.1		Kiến thức cơ sở	37	30	7	0
II.1.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	28	23	5	0
1	0103143	Hình họa	2	2	0	0
2	0103176	Vẽ kỹ thuật	3	3	0	0
3	0103117	Cơ lý thuyết	3	3	0	0
4	0703136	Kỹ thuật điện	3	2	1	0
5	0103158	Sức bền vật liệu	3	2	1	0
6	0103119	Chi tiết máy	3	2	1	0
7	0103155	Nguyên lý máy	3	2	1	0
8	0203134	Thủy lực đại cương	3	3	0	0
9	0103102	CAD	3	2	1	0
10	0103101	An toàn và môi trường công nghiệp	2	2	0	0
II.1.2		Kiến thức cơ sở ngành	9	7	2	0
1	0103116	Cơ khí đại cương	3	3	0	0
2	0503127	Kỹ thuật lập trình	3	2	1	0
3	0103149	Lý thuyết điều khiển	3	2	1	0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	50	27	21	2
II.2.1		Kiến thức bắt buộc	34	19	13	2
1	0803116	Kỹ thuật vi điều khiển	3	2	1	0
2	0103147	Kỹ thuật tự động hoá	3	2	1	0
3	0103144	Kỹ thuật điều khiển chấp hành	3	2	1	0
4	0103142	Hệ thống tự động thủy khí	3	2	1	0
5	0103105	Cảm biến và hệ thống đo lường	3	2	1	0
6	2303101	Thực hành cắt gọt 1	2	0	2	0
7	0103113	Cơ điện tử 1	4	3	1	0
8	0103114	Cơ điện tử 2	3	2	1	0
9	0103168	Thực hành Cơ điện tử	2	0	2	0
10	0103151	Máy tự động	3	2	1	0
11	0103135	Đồ án môn học Cơ điện tử	2	0	0	2
12	0103146	Robot công nghiệp	3	2	1	0
II.2.2	TcCDT3	Kiến thức tự chọn (Chọn 6 trong số các học phần thuộc các nhóm sau)	16	8	8	0
II.2.2.1	TcCDT31	Nhóm A (Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong 7 học phần sau)	6	4	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/ TN/ ThL	TL/ BTL/ ĐA/ TT
1	1603152	Tổ chức và quản lý sản xuất	2	2	0	0
2	1603119	Lập và phân tích dự án	3	2	1	0
3	0803127	Thiết kế mạch điện tử	3	2	1	0
4	0803111	Kỹ thuật điện tử	3	3	0	0
5	0703113	Điều khiển quá trình	2	1	1	0
6	0703182	Trang bị điện	3	2	1	0
7	0103128	Dao động kỹ thuật	3	2	1	0
II.2.2.2	TcCDT32	Nhóm B (Chọn 2 trong 5 học phần)	6	4	2	0
1	0103104	CAD/CAM	3	2	1	0
2	0103159	Tự động hoá quá trình sản xuất	3	2	1	0
3	0103106	Công nghệ bảo trì	3	2	1	0
4	0103152	Mô hình hoá và mô phỏng hệ thống cơ điện tử	3	2	1	0
5	0703150	Mạng truyền thông công nghiệp	3	2	1	0
II.2.2.3	TcCDT33	Nhóm C (Chọn 2 trong 3 học phần)	4	0	4	0
1	0103170	Thực hành Robot công nghiệp	2	0	2	0
2	2303105	Thực hành CNC	2	0	2	0
3	2303104	Thực hành Nguội	2	0	2	0
II.3		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0	0	15
1	0103172	Thực tập tốt nghiệp (Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ Điện tử)	8	0	0	8
2	0103137	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ Điện tử)	7	0	0	7
	TcTnCDT	Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 7 tín chỉ trong các học phần thuộc các nhóm sau:	7	2	5	0
II.3.1	TcTnCDTA	Nhóm A (Chọn 1 trong 2 học phần)	3	2	1	0
1	0103165	Thiết kế và phát triển sản phẩm	3	2	1	0
2	1603134	Quản lý chất lượng sản phẩm	3	2	1	0
II.3.2	TcTnCDTB	Nhóm B (Chọn 1 trong 2 học phần)	2	0	2	0
1	0103126	Chuyên đề robot	2	0	2	0
2	0103120	Chuyên đề CAD/CAM/CNC	2	0	2	0
II.3.3	TcTnCDTC	Nhóm C (Chọn 1 trong 2 học phần)	2	0	2	0
1	0103124	Chuyên đề hệ thống cơ điện tử	2	0	2	0
2	0103123	Chuyên đề chế tạo cơ khí	2	0	2	0
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	148	94	37	17

Ghi chú: Các học phần "Tiếng Anh Cơ khí 1"; "Tiếng Anh Cơ khí 2"; "Tiếng Anh Cơ khí 3"; "Tiếng Anh Cơ khí 4" và "Tiếng Anh Cơ khí 5" áp dụng riêng cho đối tượng sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và không tính khối lượng vào chương trình đào tạo.

8. Tiến trình đào tạo

